|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN MTTQ VIỆT NAMTỈNH LẠNG SƠN**BAN THƯỜNG TRỰC**Số: 1367 /MTTQ - BTTV/v báo cáo kết quả việc thực hiện Nghị quyết Đại hội MTTQ Việt Nam các cấp giữa nhiệm kỳ và tình hình thức hiện Điều lệ MTTQ Việt Nam khóa IX | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Lạng Sơn, ngày 01 tháng 6 năm 2022* |

 **Kính gửi**: **- Ban Thường trực Ủy Ban MTTQ các huyện, thành phố**

 **- Các phòng, ban chuyên môn cơ quan Ủy ban MTTQ tỉnh**

Thực hiện Công văn số 4001/MTTQ-BTT ngày 31/5/2022 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về việc xây dựng Báo cáo kết quả việc thực hiện Nghị quyết Đại hội MTTQ Việt Nam các cấp và khảo sát tình hình thực hiện Điều lệ MTTQ Việt Nam khóa IX. Để kịp thời tổng hợp và báo cáo Uỷ ban Trung ương MTTQ Việt Nam; Ban Thường trực Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh đề nghị:

**1.** Ban Thường trực Ủy ban MTTQ các huyện, thành phố xây dựng Báo cáo kết quả việc thực hiện Nghị quyết Đại hội MTTQ Việt Nam, Nghị quyết Đại hội MTTQ tỉnh và cấp mình.

**2.** Các Ban chuyên môn cơ quan Ủy ban MTTQ tỉnh trên cơ sở các mảng được phân công phụ trách tổng hợp báo cáo theo đề cương và biểu số liệu.

*(Đề cương và các biểu mẫu phụ lục số liệu gửi kèm theo; đề cương và biểu mẫu phụ lục được đăng tải trên trang thông tin điện tử:* [*www.mttqlangson.org.vn*](http://www.mttqlangson.org.vn)*)*.

**\* Lưu ý**: trong biểu phụ lục có cột đánh giá kết quả 6 tháng đầu năm 2022.

**3.** Nội dung khảo sát tình hình thực hiện Điều lệ MTTQ Việt Nam khóa IX, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh sẽ ban hành Kế hoạch triển khai cụ thể sau.

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ tỉnh đề nghị Uỷ ban MTTQ các huyện, thành phố; các Ban chuyên môn cơ quan Ủy ban MTTQ tỉnh, triển khai thực hiện, đồng thời tổng hợp báo cáo về Văn phòng Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, **(bản mềm gửi qua Email: Vanphongmttqtinh.ls@gmail.com)** trước ngày **20/6/2021**.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như kính gửi;- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ tỉnh;- Các Ban chuyên môn;- Trang TTĐT Ủy ban MTTQ tỉnh (đăng tải);- Lưu VP. | TM. BAN THƯỜNG TRỰC**PHÓ CHỦ TỊCH** **Nguyễn Hữu Chiến** |

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**I. Kết quả**

1. Kết quả thực hiện Tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân; củng cố, tăng cường, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Kết quả công tác vận động Nhân dân thi đua lao động sáng tạo, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh của đất nước.

Tập trung đánh giá sâu, kết quả về:

+ Số nhà Đại đoàn kết đã làm được;

+ Số kinh phí vận động được;

+ Tỷ lệ hộ nghèo, khó khăn (số lượng cụ thể) được hỗ trợ

3. Kết quả của công tác thực hiện dân chủ, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; giám sát và phản biện xã hội, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh.. Trong đó tập trung đánh giá sâu các nội dung

- Kết quả việc góp ý xây dựng Đảng, Nhà nước;

- Kết quả việc phối hợp tổ chức tiếp xúc cử tri; tập hợp, tổng hợp ý kiến của cử tri, nhân dân;

- Kết quả công tác giám sát, phản biện xã hội.

 4. Kết quả của công tác tăng cường đoàn kết quốc tế, mở rộng hoạt động đối ngoại nhân dân.

5. Kết quả công tác tăng cường củng cố tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Trong đó, tập trung đánh giá sâu

- Về tổ chức bộ máy, biên chế, những mặt tích cực, hạn chế;

- Về kết quả thực hiện Điều lệ MTTQ Việt Nam, những thuận lợi, khó khăn hạn chế; nguyên nhân của khó khăn, hạn chế

**II. Đánh giá chung**

1. Những thành tựu nổi bật và nguyên nhân

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

4. Những vấn đề đặt ra hiện nay

**III. Đề xuất, kiến nghị**

1. Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết đại hội MTTQ Việt Nam lần thứ 9; Nghị quyết Đại hội MTTQ Việt Nam các cấp nhiệm kỳ 2019-2024;

2. Đề xuất, kiến nghị để tiếp tục thực hiện hiệu quả Điều lệ MTTQ Việt Nam trong thời gian tiếp theo

3. Đề xuất, kiến nghị khác

**PHỤ LỤC SỐ LIỆU**

**Kết quả thực hiện Chương trình phối hợp và thống nhất hành động**

**theo Nghị quyết Đại hội IX MTTQ Việt Nam và Đại hội MTTQ Việt Nam các cấp**

| **STT** | **NỘI DUNG** | **Đơn vị tính** | **2019** | **2020** | **2021** | **6 tháng đầu năm 2022** | **Tổng cộng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân; củng cố, tăng cường, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa** |  |   |   |   |   |  |
| ***1.*** | ***Công tác tuyên truyền:*** |  |   |   |   |   |  |
|   |  TS đợt tuyên truyền, phổ biến | Đợt |   |   |   |   |  |
|   | TS lượt người dân tham dự | Lượt |   |   |   |   |  |
|   | TS chuyên đề đã tuyên truyền, phổ biến | Nội dung |   |   |   |   |  |
|   | Số mô hình điển hình tiên tiến  | Mô hình |   |   |   |   |  |
| ***2*** | ***Kết quả xây dựng Báo cáo phản ánh tình hình Nhân dân*** |   |   |   |   |   |  |
|   | TS báo cáo đã xây dựng |  |   |   |   |   |  |
|   | TS nội dung, vấn đề đã được phản ánh |  |   |   |   |   |  |
| ***3*** | ***Công tác dân tộc***  |   |   |   |   |   |  |
| *3.1* |  *Kết quả thăm hỏi, tiếp xúc của MTTQVN các cấp* |   |   |   |   |   |  |
|  |  Số cuộc thăm hỏi tiếp xúc | Cuộc |   |   |   |   |  |
|  | Số người được thăm hỏi, tiếp xúc | Người |   |   |   |   |  |
|  | TS quà tặng | Phần |   |   |   |   |  |
|  |  Trị giá tiền mặt | Triệu đồng |   |   |   |   |  |
| *3.2* | *Kết quả tổ chức hội nghị, gặp mặt biểu dương đồng bào, người tiêu biểu dân tộc của MTTQVN các cấp* |   |   |   |   |   |  |
|  |  Số hội nghị được tổ chức | Hội nghị |   |   |   |   |  |
|  |  Số người được biểu dương | Người |   |   |   |   |  |
|  | Các mô hình hiệu quả | Mô hình |   |   |   |   |  |
| *4* | *Công tác tôn giáo* |   |   |   |   |   |  |
| 4.1 |  Kết quả thăm hỏi, tiếp xúc của MTTQVN các cấp |   |   |   |   |   |  |
|  |  Số cuộc thăm hỏi tiếp xúc | Cuộc |   |   |   |   |  |
|  | Số người được thăm hỏi, tiếp xúc | Lượt |   |   |   |   |  |
|  | TS quà tặng | Phần |   |   |   |   |  |
|  | Trị giá tiền mặt | Triệu đồng |   |   |   |   |  |
| *4.2* | *Kết quả tuyên truyền, phổ biến Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* |   |   |   |   |   |  |
|  |  Số cuộc tuyên truyền, tập huấn, quán triệt | Cuộc |   |   |   |   |  |
|  | Số chức sắc, nhà tu hành, tín đồ được tuyên truyền, tập huấn, quán triệt | Vị |   |   |   |   |  |
|  | Các mô hình tiêu biểu vùng đồng bào tôn giáo | Mô hình |   |   |   |   |  |
| 4.3. | *Kết quả xây dựng cốt cán phong trào trong các Tôn giáo* |   |   |   |   |   |  |
|  | - Số người | Người |   |   |   |   |  |
|  | - Thuộc... tổ chức tôn giáo ở địa phương | Tổ chức |   |   |   |   |  |
| **5** | **Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài** |  |   |  |  |  |  |
| *5.1* |  *Kết quả gặp mặt, tiếp xúc với người Việt Nam ở nước ngoài trong các dịp lễ, tết* |   |   |   |   |   |  |
|  | Số cuộc gặp mặt | Cuộc |   |   |   |   |  |
|  | Số người được gặp mặt, tiếp xúc | Người |   |   |   |   |  |
| *5.2* | *Kết quả nguồn lực người Việt Nam ở nước ngoài ủng hộ các Chương trình ASXH ở địa phương* |  Triệu đồng |   |   |   |   |  |
|  | Trong đó:  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Số tiền |  Triệu đồng |   |   |   |   |  |
|  | - Quà tặng và các hình thức khác quy ra tiền |  Triệu đồng |   |   |   |   |  |
| **II** | **Vận động nhân dân thi đua lao động sáng tạo, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh của địa phương** |  |   |  |  |  |  |
| ***1*** |  ***Kết quả thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*** |  |   |  |  |  |  |
| *1.1* | *Vận động nguồn lực xây dựng Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững (tính từ đầu nhiệm kỳ đến hết tháng 6/2022)* |  |   |   |   |   |  |
|   |  + Số tiền nhân dân tham gia ủng hộ |  Triệu đồng |   |   |   |   |  |
|   |  + Số diện tích đất hiến tặng | M2 |   |   |   |   |  |
|   |  + Số ngày công nhân dân tham gia đóng góp | Ngày |   |   |   |   |  |
|   |  + Số hộ nghèo trên địa bàn huyện, thị, thành phố: …… % so với tổng số hộ trên địa bàn huyện, thị, thành phố. |  % |   |   |   |   |  |
|   |  +Số hộ nghèo được giúp đỡ vốn, giống cây trồng, vật nuôi | Hộ |   |   |   |   |  |
|   | + Số mô hình giúp nhau giảm nghèo bền vững | Mô hình |   |   |   |   |  |
|   | + Số hộ thoát nghèo  | Hộ |   |   |   |   |  |
|   |  Chiếm tỷ lệ % so với tổng hộ nghèo được giúp đỡ | % |   |   |   |   |  |
| *1.2.* | *Kết quả vận động Quỹ "Vì người nghèo" (số liệu tính cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã)* |  Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  | Trong đó:  |  |  |  |  |  |  |
|  |  - Số dư đầu kỳ  |  Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  |  - Quỹ địa phương vận động được |  Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  |  - Trung ương chuyển về |  Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  |  - Bằng các hình thức khác quy ra tiền |  Triệu đồng |  |  |  |  |  |
| *1.3* | *Kết quả sử dụng Quỹ "Vì người nghèo" (số liệu tính cả 3 cấp: tỉnh, huyện, xã)* |  Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  | Trong đó:  |  |  |  |  |  |  |
|  |  - Hỗ trợ làm nhà (căn) | Nhà |  |  |  |  |  |
|  | - Thành tiền | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  | Cụ thể: |  |  |  |  |  |  |
|  |  + Nhà Đại đoàn kết xây mới: | Nhà |  |  |  |  |  |
|  |  Thành tiền:  | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  | + Nhà Đại đoàn kết sửa chữa:  | Nhà |  |  |  |  |  |
|  | Thành tiền:  | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  | - Giúp phát triển sản xuất: |   |  |  |  |  |  |
|  |  + Số lượng | Người |  |  |  |  |  |
|  |  + Thành tiền |  Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  | - Công tác khám, chữa bệnh miễn phí: |   |  |  |  |  |  |
|  |  + Số Lượng  | Người |  |  |  |  |  |
|  |  + Thành tiền |  Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  |  - Hỗ trợ học sinh học tập: |   |  |  |  |  |  |
|  |  + Số Lượng  | Người |  |  |  |  |  |
|  |  + Thành tiền |  Triệu đồng |  |  |  |  |  |
| *1.4* | *Kết quả vận động ủng hộ chương trình an sinh xã hội*  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Tên, nội dung chương trình ASXH |  |  |  |  |  |  |
|  | - TS nguồn ủng hộ | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  | Trong đó:  |  |  |  |  |  |  |
|  | + Do các Tập đoàn kinh tế, Doanh nghiệp Trung ương chuyển về | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  | + Do tổ chức Phi Chính phủ chuyển về | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  | + Do các nguồn khác (các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và các tỉnh bạn) | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
| *1.5.* | *Công tác cứu trợ* |  |  |  |  |  |  |
| 1.5.1 | Kết quả vận động về tiền |  |  |  |  |  |  |
|  |  - Số dư đầu kỳ  |  Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  |  - Quỹ địa phương vận động được |  Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  |  - Trung ương chuyển về |  Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  |  - Bằng các hình thức khác quy ra tiền |  Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  | \* Phân bổ, sử dụng về tiền |  |  |  |  |  |  |
|  | Tổng số phân bổ | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  | Trong đó:  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Tại địa phương | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  | - Chuyển cho các tỉnh, thành phố khác | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  | - Chuyển về TW | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  | - Tồn Quỹ | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
| 1.5.2 | Kết quả tiếp nhận về hàng hóa |  |  |  |  |  |  |
|  | - Số lượng hàng hóa tiếp nhận (số lượng, giá trị quy ra tiền) | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  | - Số lượng hàng hóa đã phân bổ (số lượng, giá trị quy ra tiền) | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  | Trong đó:  |  |  |  |  |  |  |
|  | + Cứu trợ tại địa phương |  |  |  |  |  |  |
|  | + Chuyển cho các tỉnh, thành phố khác |  |  |  |  |  |  |
|  | - Tồn hàng | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
| *1.6.* | *Vận động nhân dân bảo vệ môi trường, đảm bảo trật tự an toàn xã hội* |   |   |   |   |   |  |
|   |  - Số Tổ ANND, Tổ tự quản được củng cố |  Tổ |   |   |   |   |  |
|   |  - Số KDC bảo đảm an toàn giao thông | KDC |   |   |   |   |  |
|   |  - Số khu dân cư có hòm thư tố giác tội phạm | Khu dân cư |   |   |   |   |  |
|   |  - Số nguồn tin có giá trị do nhân dân cung cấp | Tin |   |   |   |   |  |
| *1.7* | *Kết quả về đích Nông thôn mới trên địa bàn* |   |   |   |   |   |  |
|   |  - Số xã đạt chuẩn nông thôn mới | Xã |   |   |   |   |  |
|  | - Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao | Xã |  |  |  |  |  |
|  | - Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu | Xã |  |  |  |  |  |
|   |  - Số huyện, thị xã, thành phố được công nhận | Huyện |   |   |   |   |  |
| *1.8* | *Kết quả thực hiện chính sách đền ơn, đáp nghĩa* |   |   |   |   |   |  |
|   |  + Tổng số Quỹ Đền ơn đáp nghĩa của địa phương | Triệu đồng |   |   |   |   |  |
|   |  + Số Nhà Tình nghĩa được xây dựng |  Triệu đồng |   |   |   |   |  |
|   |  + Tổng số quà thăm hỏi gia đình CS và người có công |  Triệu đồng |   |   |   |   |  |
| ***2*** | ***Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"*** |   |   |   |   |   |  |
| *2.1* | *Thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo Cuộc vận động* |   |   |   |   |   |  |
|   |  - Số lượng Ban Chỉ đạo Cuộc vận động | Ban |   |   |   |   |  |
|   |  - Chiếm tỷ lệ % so với tổng số xã của huyện, thị, thành phố | % |   |   |   |   |  |
| *2.2* |  *Các hoạt động tuyên truyền, mô hình vận động* |   |   |   |   |   |  |
|  | TS đợt tuyên truyền, phổ biến | Đợt |   |   |   |   |  |
|  | TS lượt người dân tham dự | Lượt |   |   |   |   |  |
|   | Số mô hình, điển hình tiên tiến của tập thể, cá nhân trong thực hiện | Mô hình |   |   |   |   |  |
| *2.3* | *Phối hợp tổ chức các hội chợ, phiên chợ, chuyến hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa* |   |   |   |   |   |  |
|   |  - Tổng số Hội chợ | Hội chợ |   |   |   |   |  |
|   |  - Số doanh nghiệp tham gia  | Doanh nghiệp |   |   |   |   |  |
|  |  - Số lượt người tham gia hội chợ | Lượt |   |   |   |   |  |
| **3** | **Kết quả phong trào thi đua “Đoàn kết sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, hội nhập quốc tế”, động viên các tầng lớp nhân dân ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất và phục vụ đời sống** |   |   |   |   |   |  |
|  | - TS đợt tuyên truyền, phổ biến | Đợt |   |   |   |   |  |
|  | - TS lượt người dân tham dự | Lượt |   |   |   |   |  |
|  | - Số mô hình, điển hình tiêu biểu | Mô hình |   |   |   |   |  |
| **III** | **Phát huy dân chủ, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; giám sát và phản biện xã hội; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.** |   |   |   |   |   |  |
| ***1*** | ***Tham gia xây dựng chủ trương, chính sách pháp luật*** |   |   |   |   |   |  |
|  | - Số lượng dự thảo các chương trình, đề án và các văn bản khác (không phải văn bản quy phạm pháp luật) của cấp ủy, chính quyền cùng cấp | Văn bản |   |   |   |   |  |
|  | - Số lượng văn bản quy phạm pháp luật được góp ý  | Văn bản |  |  |  |  |  |
|  | - Tổng số văn bản được phúc đáp, giải trình về việc tiếp thu ý kiến góp ý | Văn bản |  |  |  |  |  |
|  | Đạt tỷ lệ...% | ... % |  |  |  |  |  |
| ***2*** | ***Xây dựng điểm sáng chấp hành pháp luật ở cơ sở*** |   |   |   |   |   |  |
|   | TS tổ, đội, nhóm nòng cốt, câu lạc bộ pháp luật | Điểm  |   |   |   |   |  |
|   | TS Thành viên các tổ, đội, nhóm nòng cốt, câu lạc bộ pháp luật | Thành viên  |   |   |   |   |  |
|   | Tổng số đợt tổ chức tuyên truyền vận động | Đợt |   |   |   |   |  |
|   | Số người tham dự các đợt tuyên truyền, vận động | Người  |   |   |   |   |  |
| ***3*** | ***Hoạt động hoà giải ở cơ sở*** |   |   |   |   |   |  |
|   | TS Tổ hoà giải ở cơ sở |  Tổ |   |  |   |  |  |
|   | TS thành viên các Tổ hoà giải |  Thành viên |   |  |   |  |  |
|   | TS Tổ có thành viên là cán bộ MT tham gia |  Tổ |   |   |   |   |  |
|   | TS vụ việc phải hoà giải |  Vụ |   |   |   |   |  |
|   | TS vụ việc đã hoà giải thành |  Vụ |   |   |   |   |  |
|  | Đạt tỷ lệ .... % | ... % |  |  |  |  |  |
| **4** |  ***Công tác giám sát do UBMTTQVN các cấp chủ trì*** |   |   |   |   |   |  |
| *4.1* |  *Công tác giám sát theo Quyết định số 217/QĐ-TW của Bộ Chính trị* |   |   |   |   |   |  |
|   | Giám sát bằnh hình thức, nghiên cứu, xem xét văn bản |  Cuộc |   |   |   |   |  |
|   | Giám sát bằng hình thức thành lập đoàn giám sát |  Đoàn |   |   |   |   |  |
|   | Số người tham gia |  Người  |   |   |   |   |  |
|   | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được giám sát | Cơ quan, tổ chức, đơn vị |   |   |   |   |  |
|   | Số ý kiến, kiến nghị | Ý kiến |   |  |   |   |  |
|   | Số ý kiến, kiến nghị được tiếp thu giải quyết | Ý kiến |   |   |   |   |  |
|  | Đạt tỷ lệ ... % | ... % |  |  |  |  |  |
|   | Số ý kiến, kiến nghị chưa được giải quyết | Ý kiến |   |   |   |   |  |
| ***4.2*** | ***Công tác vận động giám sát theo Nghị quyết TW4*** |   |   |   |   |   |  |
|   | Số ý kiến, kiến nghị, phản ánh | Ý kiến |   |   |   |   |  |
|   | Số đơn thư tố cáo, kiến nghị, phản ánh | Đơn  |   |   |   |   |  |
|   | Số các bộ, đảng viên bị kiến nghị, phản ánh, tố cáo | Người |   |   |   |   |  |
|   | Số tổ chức Đảng có ý kiến, đơn thư, tố cáo, khiếu nại, phản ánh | Tổ chức |   |   |   |   |  |
| **5** |  ***Công tác thanh tra nhân dân*** |   |   |  |   |   |  |
|   | \* Số Ban TTND  | Ban |   |   |  |   |  |
|   | \* Tổng số thành viên Ban TTND | Thành viên |   |   |  |   |  |
|   | \* Số Ban TTND được cấp kinh phí hoạt động: | Ban |   |   |  |   |  |
|   |  - Trong đó: + Số đơn vị cấp kinh phí (05 triệu đồng/ năm) | đơn vị |   |   |  |   |  |
|   |  + Số đơn vị cấp trên 05 triệu đồng/năm  | đơn vị |   |   |  |   |  |
|   |  + Số đơn vị cấp dưới 05 triệu đồng/ năm | đơn vị |   |   |   |   |  |
|   |  ***+*** Số đơn vị Không được hỗ trợ kinh phí | đơn vị |   |   |   |  |  |
|   | \* Hoạt động của Ban TTND: |   |   |   |   |   |  |
|   |  - Về công tác giám sát |   |   |   |   |   |  |
|   |  + TS cuộc TTND chủ trì giám sát  | Cuộc |   |   |   |   |  |
|  |  + TS vụ việc có kiến nghị xử lý | Vụ việc |  |  |  |  |  |
|  | Trong đó: TS vụ việc đã được xử lý, giải quyết (tỷ lệ %) | Vụ việc |  |  |  |  |  |
|   |  TS vụ việc chưa được xử lý, giải quyết | Vụ việc |   |  |   |   |  |
|  |  Tài sản thu về:  |  |  |  |  |  |  |
|   |  Tiền mặt | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|   |  Tài sản khác quy ra tiền | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
| **6** | ***Tổ chức, hoạt động của Ban giám sát đầu tư cộng đồng*** |   |   |   |   |   |  |
|   | *\* Về tổ chức*  |   |   |   |   |   |  |
|   |  - Số Ban GSĐTCCĐ đang hoạt động |  Ban  |   |  |   |   |  |
|   |  - Số thành viên Ban GSĐTCCĐ  | Thành viên |   |  |   |   |  |
|   |  - Số Ban GSĐTCCĐ được cấp kinh phí hoạt động: |  Ban  |   |   |   |   |  |
|   | Trong đó: + Ban được cấp kinh phí (05 triệu đồng/ năm) |  Ban  |   |   |   |   |  |
|   |  + Ban được cấp kinh phí trên 05 triệu đồng/năm  |  Ban  |   |   |   |   |  |
|   |  + Ban được cấp kinh phí dưới 05 triệu đồng/ năm |  Ban  |   |   |   |   |  |
|   |  ***+*** Không được hỗ trợ kinh phí |  Ban  |   |   |   |   |  |
|   | *\* Về hoạt động của Ban GSĐTCCĐ:* |   |   |   |   |   |  |
|   |  - TS công trình, dự án có giám sát cộng đồng | Công trình, dự án |   |   |   |   |  |
|   |  Tổng số cuộc giám sát của cộng đồng |  Cuộc  |   |   |   |   |  |
|   |  Tổng số vụ việc đã kiến nghị xử lý | Vụ việc |   |   |   |   |  |
|   |  Số vụ việc đã được tiếp thu, xử lý, giải quyết | Vụ việc |   |  |   |   |  |
|   | Tài sản thu về:  |  |   |   |   |   |  |
|  |  Tiền mặt | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
|  |  Tài sản khác quy ra tiền | Triệu đồng |  |  |  |  |  |
| ***7*** | ***Giám sát theo Quy định 124-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng*** |   |   |   |   |   |  |
|  | Số cuộc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia giám sát |  Cuộc  |   |   |   |   |  |
|  | Số đợt tổ chức giám sát |  Đợt  |   |   |   |   |  |
|  | Số nguồn tin do nhân dân kiến nghị, phản ánh |  Tin  |   |   |   |   |  |
|  | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có phản ánh, kiến nghị của nhân dân | Cơ quan, tổ chức, đơn vị |   |   |   |   |  |
|  | Số cá nhân có phản ánh, kiến nghị của nhân dân | Người |   |   |   |   |  |
|  | Số trường hợp đã tiếp thu, giải trình, giải quyết | Trường hợp |   |   |   |   |  |
|   | Số trường hợp chưa giải trình, giải quyết | Trường hợp |   |   |   |   |  |
| ***8*** | ***Tham gia phối hợp giám sát***  |   |   |   |   |   |  |
|   | TS đợt tham gia giám sát với TT HĐND, các Ban của HĐND cùng cấp |  Đợt  |   |   |   |   |  |
|   | Số đợt tham gia giám sát với Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp |  Đợt  |   |   |   |   |  |
|   | TS đợt tham gia giám sát với các tổ chức Chính trị - Xã hội cùng cấp |  Đợt  |   |   |   |   |  |
| ***9*** |  ***Công tác phản biện xã hội*** |   |   |   |   |   |  |
|   | TS văn bản được yêu cầu phản biện xã hội |  Văn bản  |   |   |   |   |  |
|   | Số cuộc phản biện xã hội  |  Cuộc  |   |   |   |   |  |
|  | Trong đó:  |  |  |  |  |  |  |
|   | - Tổ chức hội nghị phản biện xã hội |  số lần  |   |   |   |   |  |
|   | - Gửi văn bản dự thảo phản biện xã hội |  Văn bản  |   |   |   |   |  |
|   | - Phản biện xã hội bằng hình thức đối thoại trực tiếp |  Văn bản  |   |   |   |   |  |
|   | Tổng số người tham gia | Người |   |   |   |   |  |
|   | TS văn bản đã tổ chức phản biện xã hội |  Văn bản  |   |   |   |   |  |
|   | TS ý kiến tham gia phản biện xã hội: | Ý kiến |   |   |   |   |  |
|   | TS ý kiến phản biện được các cơ quan tiếp thu | Ý kiến |   |   |  |  |  |
|   | TS ý kiến phản biện chưa được các cơ quan tiếp thu | Ý kiến |   |   |  |  |  |
| ***10*** | ***Tham gia thực hiện luật Phòng, chống tham nhũng, lãng phí*** |   |   |   |   |   |  |
|  | Số đơn, thư đã được MT tiếp nhận, phản ánh | Đơn  |   |  |   |   |  |
|  | Số trường hợp tham nhũng, lãng phí bị xử lý | Trường hợp |   |   |   |   |  |
|   | TS vụ việc vi phạm do MT và nhân dân phát hiện | Vụ việc |   |   |   |   |  |
|   | TS vụ việc đã kiến nghị xử lý | Vụ việc |   |   |   |   |  |
|   | Trong đó:  |  |   |   |   |  |  |
|  |  + TS vụ việc đã được xử lý | Vụ việc |  |  |  |  |  |
|   |  + TS vụ việc chưa được xử lý | Vụ việc |   |   |   |   |  |
| ***11*** | ***Công tác phối hợp tiếp xúc cử tri với đại biểu Quốc hội, HĐND*** |   |   |   |   |   |  |
|  | *\* TS đợt TXCT với đại biểu QH* |  Đợt |   |   |   |   |  |
|   | TS cử tri tham dự | Cử tri |   |   |   |   |  |
|   | TS lượt ý kiến, kiến nghị | lượt |   |   |   |   |  |
|   | Số ý kiến, kiến nghị đã chưa được trả lời, giải quyết | Ý kiến |   |   |   |   |  |
|   | Số ý kiến, kiến nghị đã được trả lời, giải quyết | Ý kiến |   |   |   |   |  |
|  | *\* TS đợt TXCT với đại biểu HĐND các cấp* | Đợt |   |   |   |   |  |
|   | TS cử tri tham dự | Cử tri |   |   |   |   |  |
|   | TS ý kiến, kiến nghị | Ý kiến |   |   |   |  |  |
|   | TS ý kiến, kiến nghị đã chưa được trả lời, giải quyết | Ý kiến |   |   |   |   |  |
|   | TS ý kiến, kiến nghị đã được trả lời, giải quyết | Ý kiến |   |   |   |   |  |
| ***12*** | ***Công tác tiếp công dân và xử lý đơn thư của MTTQVN các cấp*** |   |   |   |   |   |  |
|  | \* Tình hình tiếp công dân |  |  |  |  |  |  |
|   | Số lượt người được Mặt trận tiếp | Lượt |   |   |   |  |  |
|   | Số đoàn đông người, phức tạp | Đoàn |   |   |   |   |  |
|   | Số người được hướng dẫn, giải thích trực tiếp (không hướng dẫn bằng văn bản) | Người |   |   |   |   |  |
|   | \* Tổng số đơn thư tiếp nhận | Đơn |   |   |   |   |  |
|  | - Trong đó: Số đơn giải quyết thuộc thẩm quyền | Đơn |  |  |  |  |  |
|  | \* Tình hình xử lý |  |  |  |  |  |  |
|   | Số đơn thư chuyển đi được phúc đáp | Đơn |   |   |   |   |  |
|   | Số đơn thư chuyển đi không được phúc đáp | Đơn |   |   |   |   |  |
| ***13*** | ***Góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền*** |   |   |   |   |   |  |
|  | **\***Góp ý định kỳ | Hội nghị |   |   |   |   |  |
|  | Số hội nghị góp ý  |  |  |  |  |  |  |
|  | Số ý kiến góp ý | Ý kiến |   |   |   |   |  |
|  | Số ý kiến được tiếp thu, giải trình | Ý kiến |   |   |   |   |  |
|  | \* Góp ý ở khu dân cư |   |   |   |   |   |  |
|   |  Số cuộc góp ý | Cuộc |   |   |   |   |  |
|   | Số cán bộ, đảng viên được góp ý trong năm | Người |   |   |   |   |  |
|   |  Số ý kiến góp ý | Ý kiến |   |   |   |   |  |
|   | Số ý kiến được tiếp thu, giải trình | Ý kiến |   |   |   |   |  |
|  | \* Góp ý Văn kiện Đại hội XIII của Đảng các cấp |   |   |   |   |   |  |
|  | Tổng số cuộc góp ý | Cuộc |  |  |  |  |  |
|  | Số ý kiến góp ý | Ý kiến |  |  |  |  |  |
|  | \* Góp ý Văn kiện Đại hội Đảng các cấp ở địa phương |  |  |  |  |  |  |
|   | Tổng số cuộc góp ý | Cuộc |   |   |   |   |  |
|   | Số ý kiến góp ý | Ý kiến |   |   |   |   |  |
| ***14*** | ***Tham gia các hoạt động đối thoại với nhân dân*** |   |   |   |   |   |  |
|   | Số cuộc tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy địa phương với nhân dân | Cuộc |   |   |   |   |  |
|   | Số cuộc tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu chính quyền địa phương với nhân dân | Cuộc |   |   |   |   |  |
|   | Số người tham dự | Người |   |   |   |   |  |
|   | Số ý kiến phát biểu | Ý kiến |   |   |   |   |  |
|   |  Số ý kiến đã được tiếp thu, giải trình, giải quyết. | Ý kiến |   |   |   |   |  |
|  | Số đơn đã được tiếp nhận, thụ lý, giải quyết | Đơn |   |   |   |   |  |
|  | Số trường hợp tham nhũng, lãng phí bị xử lý | Trường hợp |   |   |   |   |  |
| **IV** | **Tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động đối ngoại nhân dân** |   |   |   |   |   |  |
| ***4.1*** | ***Hoạt động trao đổi đoàn với Mặt trận các nước*** |  |  |  |  |  |  |
|   | - Số lượng đoàn công tác (do Mặt trận chủ trì) đi thăm và làm việc tại các nước | Số đoàn |  |  |  |  |  |
|  | Với tổng số người | Người |  |  |  |  |  |
|  | - Số lượng đoàn Mặt trận các nước đến thăm và làm việc với Mặt trận địa phương | Số đoàn |  |  |  |  |  |
|  | Với tổng số người | Người |  |  |  |  |  |
| ***4.2*** | ***Tình hình quan hệ hợp tác quốc tế hiện có*** |  |  |  |  |  |  |
|   | - Số lượng các chương trình, quan hệ hợp tác quốc tế hiện có | Số lượng |  |  |  |  |  |
|  | - Số lượng các tổ chức, cơ quan nước ngoài (không phải là Mặt trận các nước) đến thăm và làm việc với Mặt trận tỉnh | Số lượng |  |  |  |  |  |
|  | - Số lượng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia ủng hộ các chương trình do Mặt trận triển khai  | Số lượng |  |  |  |  |  |
| ***4.3*** | ***Hoạt động giao lưu nhân dân*** |  |  |  |  |  |  |
|  | Số cuộc tổ chức |  |  |  |  |  |  |
|  | Số người tham gia |  |  |  |  |  |  |
| **V** | **Tăng cường củng cố tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả hoạt động của MTTQ Việt Nam, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.** |   |   |   |   |   |  |
| *5.1* | *Công tác phối hợp với các cơ quan Đảng, Nhà nước, thành viên MTTQVN các cấp:* |   |   |   |   |   |  |
|  |  - Tổng số chương trình phối hợp đang triển khai (bao gồm: Kế hoạch, Quy chế, Chương trình...) |   |   |   |   |   |  |
|  |  - Số Chương trình được ký kết mới từ đầu nhiệm kỳ đến hết tháng 6/2022 |   |   |   |   |   |  |
|  |  - Số Chương trình phối hợp được đánh giá có hiệu quả tốt |   |   |   |   |   |  |
| *5.2* | *Việc xây dựng và phát huy lực lượng tư vấn của Mặt trận* |   |   |   |   |   |  |
|  |  + Số Ban Tư vấn (cấp huyện) | Ban |   |   |   |   |  |
|  |  + Tổng số thành viên | Người |   |   |   |   |  |
|  |  + Số Tổ tư vấn (cấp xã) |  Tổ |   |   |   |   |  |
|  |  + Tổng số thành viên | Người |   |   |   |   |  |
| *5.3* | *Công tác bồi dưỡng, tập huấn cán bộ Mặt trận:* |   |   |   |   |   |  |
|  |  - Số lớp tập huấn cho cán bộ MTTQ | Lớp |   |   |   |   |  |
|  |  - Số người dự tập huấn |  Người |   |   |   |   |  |